

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST

Ngày 28 tháng 4 năm 2021

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Ngọc Tân

2. Bà Nguyễn Thị Đoan

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/QĐXX-ST ngày 29/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14/4/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Q, sinh năm 1991

Hộ khẩu thường trú: Thôn S, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở: Thôn Ng, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn S, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Chị Q có mặt, anh Đ vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn là chị Trần Thị Q có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại phiên tòa như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Q kết hôn với anh Nguyễn Tiến Đ trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q, tỉnh

Thái Bình vào ngày 22/7/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống ở nhà anh Đ ở Thôn S, xã A, huyện Q sau đó cùng lên thành phố Thái Bình làm ăn nhưng không thay đổi địa chỉ cư trú. Vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh Đ không tu chí làm ăn, đòi sống kinh tế của vợ chồng khó khăn dẫn tới vợ chồng xảy ra xô xát. Từ tháng 10 năm 2018 chị Q đưa con về nhà bố mẹ đẻ chị ở Thôn Ng, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình sinh sống và vợ chồng ly thân nhau từ đó đến nay. Nay chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tiến Đ.

Về con chung: Chị Q xác nhận chị và anh Nguyễn Tiến Đ có 01 con chung là Nguyễn Tiến Hải N, sinh ngày 23/02/2015. Hiện nay con chung đang ở cùng với chị và ông bà ngoại. Ly hôn, chị Q đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị yêu cầu anh Đ phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật để thể hiện trách nhiệm của anh Đ đối với con chung. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Hiện chị Q không có thai nghén gì. Lý do chị nhận nuôi con vì kể từ khi vợ chồng ly thân, con chung ở với chị, do một mình chị nuôi dưỡng, chăm sóc, anh Đ không có chu cấp gì. Chị có việc làm, thu nhập ổn định từ 09 đến 10 triệu đồng/01 tháng. Con chung đang được chị cho theo học tại trường mầm non xã V, huyện V, con khỏe mạnh, phát triển bình thường. Điều kiện nơi ở, sinh hoạt của con ở nhà ông bà ngoại được đảm bảo.

Về tài sản chung, nợ chung: chị Q trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Tiến Đ vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

- Tại biên bản xác minh với ông Nguyễn Tiến T (là bố đẻ anh Đ), địa chỉ: Thôn S, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình, ông T trình bày: Việc kết hôn giữa chị Trần Thị Q, anh Nguyễn Tiến Đ như chị Q trình bày là đúng. Quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như thế nào gia đình ông không nắm được. Khoảng tháng 10/2018 gia đình ông có nghe anh Đ nói chị Q đã đưa con chung về nhà bố mẹ đẻ ở xã V, huyện V sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Anh Đ có nhiều lần nhắn tin, gọi điện khuyên chị Q về nhưng chị Q không về. Nay chị Q xin ly hôn, gia đình đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật; Về con chung: Vợ chồng chị Q, anh Đ có 01 con chung là Nguyễn Tiến Hải N, sinh ngày 23/02/2015 đúng như chị Q trình bày. Ly hôn gia đình ông có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Hải N và không yêu cầu chị Q phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chị Q, anh Đ không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông T cũng trình bày thêm hiện nay anh Đ làm công nhân ở thị trấn An Bài, huyện Quỳnh Phụ, sáng đi tối về, thu nhập từ khoảng 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng/tháng. Điều kiện kinh tế gia đình đảm bảo cho cháu Hải N sinh hoạt và học tập. Ông đã nhận các văn bản tố tụng mà Tòa án gửi cho anh Đ và đã thông báo đầy đủ cho anh Đ biết. Quan điểm của anh Đ là để chị Q tự giải quyết ly hôn, anh không có ý kiến gì. Trường hợp ly hôn, anh Đ cũng mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị Q phải góp tiền cấp dưỡng.

- *Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn không tham gia tố tụng không những tự tước bỏ quyền, nghĩa vụ của mình mà còn thể hiện không có ý thức chấp hành pháp luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Trần Thị Q và anh Nguyễn Tiến Đ là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Nguyễn Tiến Đ có địa chỉ cư trú tại xã A, huyện Q nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Tiến Đ có mặt tại địa phương nhưng không đến Tòa án làm việc. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú của hai bên để làm rõ tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi dưỡng con và địa chỉ nơi cư trú của bị đơn, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị Q, anh Đ được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn và chung sống được khoảng 04 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, chị Q đưa con chung về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng

đã ly thân nhau từ tháng 10 năm 2018 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, biết được việc chị Q xin ly hôn nhưng anh Đ không trực tiếp đến Tòa án trình bày quan điểm. Điều đó chứng tỏ anh Đ không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Q, anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho chị Q được ly hôn anh Đ là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Q, anh Đ có 01 con chung là Nguyễn Tiến Hải N, sinh ngày 23/02/2015. Ly hôn, chị Q có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh Đ phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng, anh Đ thông qua gia đình cũng có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu chị Q phải góp tiền cấp dưỡng. Xét thấy, nguyện vọng nuôi con của chị Q, anh Đ đều chính đáng. Tuy nhiên hiện con chung đang ở với chị Q, kết quả xác minh cho thấy điều kiện nuôi con của chị Q về nơi ở, sinh hoạt, học tập.... để phát triển toàn diện cả thể chất, tinh thần đều được đảm bảo. Bản thân chị Q có việc làm và thu nhập ổn định nên để ổn định môi trường sống cho con chung cần giao con chung cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của chị Q về việc buộc anh Đ phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị là có căn cứ, mức yêu cầu cấp dưỡng (1.000.000 đồng/tháng) là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Đ không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Chị Q phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, anh Đ phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Q được ly hôn anh Nguyễn Tiến Đ.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao chị Trần Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Tiến Hải N, sinh ngày 23/02/2015. Anh Đ có trách nhiệm góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Q mỗi tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) kể từ

tháng 5 năm 2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Q phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0004705 ngày 02/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Chị Q đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Nguyễn Tiến Đ phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trần Thị Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Tiến Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- UBND xã An Quý (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Phụng